BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 19: Từ 02/12 Đến 08/12/2024

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 02/12	Sáng	1					Hệ thống an ninh Phạm Duy Quyết (X22.101)				Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)										CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
		2																				
		3																			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
		4																			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
		5																				
	Chiều	6	Bảo trì hệ thống thủy lực, điện - thủy lực Lê Kiên Cường (X22.203)					Quản lý kinh tế Chu Mạnh Vinh (X10.101_PHLT Khoa CK)	Kế toán quản trị Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP- KT)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)										
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 3 03/12	Sáng	1					Hệ thống an ninh Phạm Duy Quyết (X22.101)			Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)											
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Bảo trì hệ thống thủy lực, điện - thủy lực Lê Kiên Cường (X22.203)					Quản lý kinh tế Chu Mạnh Vinh (X10.101_PHLT Khoa CK)	Kế toán quản trị Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP- KT)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)									Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)
		7																			Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)
		8																				
		9																			CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)
		10																				
Thứ 4 04/12	Sáng	1					Hệ thống an ninh Phạm Duy Quyết (X22.101)			Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)										Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)
		2																				
		3																			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)
		4																			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
		5																			CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)
	Chiều	6	Bảo trì hệ thống thủy lực, điện - thủy lực Lê Kiên Cường (X22.203)					Quản lý kinh tế Chu Mạnh Vinh (X10.101_PHLT Khoa CK)	Thực hành kế toán Excel Trần Việt Anh (TV_THI TN05)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)										
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 05/12	Sáng	1					Hệ thống an ninh Phạm Duy Quyết (X22.101)			Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)										Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
		2																			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)
		3																			Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)
		4																				
		5																			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
	Chiều	6	Bảo trì hệ thống thủy lực, điện - thủy lực Lê Kiên Cường (X22.203)					Quản lý kinh tế Chu Mạnh Vinh (X10.101_PHLT Khoa CK)	Thực hành kế toán Excel Trần Việt Anh (TV_THI TN05)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)										
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 6 06/12	Sáng	1					Hệ thống an ninh Phạm Duy Quyết (X22.101)				Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)											
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Bảo trì hệ thống thủy lực, điện - thủy lực Lê Kiên Cường (X22.203)					Quản lý kinh tế Chu Mạnh Vinh (X10.101_PHLT Khoa CK)														
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 07/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 19: Từ 02/12 Đến 08/12/2024

LỚP			62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 02/12	Sáng	1											CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)				
		2											Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)				
		3											Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)				
		4											Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)				
		5																				
	Chiều	6	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)						Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.402)
		7										CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)						
		8	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)								Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)						Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		9	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)																		CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		10																				Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)
Thứ 3 03/12	Sáng	1											Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)				
		2											Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				
		3											CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)				
		4											CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)			CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)				
		5											Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)				Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)					
	Chiều	6	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)						Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
		7	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)						
		8	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)						CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		9										Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)						Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)
		10	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)																		
Thứ 4 04/12	Sáng	1												Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)				Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)				
		2																				
		3												Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)								Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)
		7											Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.406)				Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.406)					
		8	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)								Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)						Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)
		9											Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)				Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)
		10										Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)						Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)

LỚP			62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 05/12	Sáng	1												Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				
		2												CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				
		3												Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				
		4												CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				
		5												Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)				Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)				
	Chiều	6	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.406)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.406)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)
		7	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)				CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)
		8	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.406)			CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.406)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)
		9	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)				Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)						Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
		10	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)																		CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
Thứ 6 06/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 07/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 19: Từ 02/12 Đến 08/12/2024

LỚP			62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 02/12	Sáng	1													Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)					Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)
		2													CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	
		3													CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)					CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)
		4													Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)			Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)
		5																	CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)		
	Chiều	6			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.104)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.104)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.407)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.402)				
		7			CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)																
		8			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.104)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.104)					Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)				
		9			Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)												CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)				
		10					Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.104)			Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.104)						Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)				
Thứ 3 03/12	Sáng	1					CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	
		2					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)							Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)		
		3					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	
		4															Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)		Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)		
		5					Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)					Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)						Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)	
	Chiều	6			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)										Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)		Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)				Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)
		7														CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)						CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)
		8			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)										Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)		CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)				Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)
		9			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)										Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)
		10																				
Thứ 4 04/12	Sáng	1					Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)					Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)
		2																	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)		
		3					Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)					Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)			CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)			Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)
		4					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)			Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)
		5					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)					CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)
	Chiều	6			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)						Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				
		7			Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)											
		8								Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.101)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.101)						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.407)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)				
		9			CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.407)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)				
		10								CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)						CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)	Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)				

LỚP			62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 05/12	Sáng	1								Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	
		2								CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)		Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)
		3								CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)	
		4								Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)				Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)		Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)
		5														CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)
	Chiều	6			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				
		7			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				
		8			CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)						Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)				
		9			Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)						Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)				
		10																CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)				
Thứ 6 06/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 07/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 19: Từ 02/12 Đến 08/12/2024

LỚP			62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 02/12	Sáng	1			Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Thuế Trần Việt Anh (H3.105_Khoa SP- KT)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)		
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)		Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)		Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)		Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Thuế Trần Việt Anh (H3.207)					Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)		
		7																				
		8	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)														Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)		
		9																				
		10																	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)		
Thứ 3 03/12	Sáng	1	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Marketing Trần Huy Quảng (H3.105_Khoa SP- KT)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)		Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)		
		2																				
		3	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)																			
		4	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)																			
		5																				
	Chiều	6			Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)		Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.109)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)						Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)					
		7															CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.307)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.307)		
		8															Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)					
		9																	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)		
		10															CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)					
Thứ 4 04/12	Sáng	1			Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)		Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)		
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)		Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)		Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.109)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương (H3.207)					Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)	Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)		
		7																	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)		
		8	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)														CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)		Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)	Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)		
		9	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)														Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)		
		10	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)																CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)		

LỚP			62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 05/12	Sáng	1	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương (H3.207)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)		Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)		
		2	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)																			
		3																				
		4	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)																			
		5	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)																			
	Chiều	6			Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)		Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương (H3.207)						Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)		
		7																	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)		
		8															CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)		
		9															Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)					
		10																				
Thứ 6 06/12	Sáng	1			Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Thuế Trần Việt Anh (H3.207)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Ktra: Bảo trì máy tính-1-1-2024(N01) Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)			Máy điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)		
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6			Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)		Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)						Ktra: Photoshop-1-1-2024(N01) Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)						
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 07/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 19: Từ 02/12 Đến 08/12/2024

LỚP			63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 02/12	Sáng	1	Điện tử cơ bản Trần Thị Thơm ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()			Thiết bị điện gia dụng Phạm Quang Thắng ()	Thiết bị điện gia dụng Cao Thị Thu ()	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X22.104)	Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.108)	Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)			Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)				LĐ	Thuế Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP- KT)	
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6														Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)				Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)
		7																				
		8														Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)				Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.306)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)
		9																			Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)
		10																		CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)		
Thứ 3 03/12	Sáng	1	Điện tử cơ bản Trần Thị Thơm ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()			Thiết bị điện gia dụng Phạm Quang Thắng ()	Thiết bị điện gia dụng Cao Thị Thu ()	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X22.104)	Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.108)	Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)			Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)					Thuế Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP- KT)	Thuế Trần Việt Anh (H3.106_Khoa SP- KT)
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6														Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)
		7														CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)				Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.302)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.302)
		8														Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)				CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)		
		9																		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)		
		10														CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)						
Thứ 4 04/12	Sáng	1	Điện tử cơ bản Trần Thị Thơm ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()			Thiết bị điện gia dụng Phạm Quang Thắng ()	Thiết bị điện gia dụng Cao Thị Thu ()	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X22.104)	Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.108)	Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)			Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)					Thuế Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP- KT)	Thuế Trần Việt Anh (H3.106_Khoa SP- KT)
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6														Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)
		7																			Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)
		8														CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)		
		9														Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)				Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)
		10																		CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)

LỚP			63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 05/12	Sáng	1	Điện tử cơ bản Trần Thị Thơm ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()			Thiết bị điện gia dụng Phạm Quang Thắng ()	Thiết bị điện gia dụng Cao Thị Thu ()	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)							Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)					LĐ	
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6														Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)					CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)
		7																				
		8														CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)
		9														Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)				Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)
		10																		CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)		
Thứ 6 06/12	Sáng	1	Điện tử cơ bản Trần Thị Thơm ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái ()	Thiết bị điện gia dụng Phạm Quang Thắng ()	Thiết bị điện gia dụng Cao Thị Thu ()						Tách: Kỹ thuật số-1-1-2024(N03) Lưu Quang Hưng (...) Kỹ thuật số-1-1-2024(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều ()	Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)			Kiểm tra – Đánh giá chất lượng mối hàn Hồ Sĩ Khương ()			LĐ
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6			Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân ()	Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái ()								Tách: Kỹ thuật số-1-1-2024(N03) Lưu Quang Hưng (...) Kỹ thuật số-1-1-2024(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều ()				Kiểm tra – Đánh giá chất lượng mối hàn Hồ Sĩ Khương ()			
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 07/12	Sáng	1			Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái ()								Tách: Kỹ thuật số-1-1-2024(N03) Lưu Quang Hưng (...) Kỹ thuật số-1-1-2024(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều ()				Kiểm tra – Đánh giá chất lượng mối hàn Hồ Sĩ Khương ()			
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6			Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân ()	Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái ()								Tách: Kỹ thuật số-1-1-2024(N03) Lưu Quang Hưng (...) Kỹ thuật số-1-1-2024(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều ()							
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 19: Từ 02/12 Đến 08/12/2024

LỚP			63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 02/12	Sáng	1				Thiết kế mạng LAN Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)						Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tin học văn phòng Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Lê Ngọc Viên (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.201)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)			Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.201)
		7											Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)			
		8				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)				Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)		Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)							Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)
		9											CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)			Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			
		10				CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)							CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)
Thứ 3 03/12	Sáng	1				Thiết kế mạng LAN Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)						Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tin học văn phòng Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Lê Ngọc Viên (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Thiết kế mạng LAN Tạ Văn Khoa (H2.203_TH Tin Đại cương)			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.203)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Lê Thị Châm (H2.301_TH LR Máy tính)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.203)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)			Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)
		7				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)													Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)
		8				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)			Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)
		9				CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.301)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.301)					Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)
		10				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)											CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)
Thứ 4 04/12	Sáng	1				Thiết kế mạng LAN Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)						Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tin học văn phòng Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Lê Ngọc Viên (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Photoshop Tạ Văn Khoa (H2.203_TH Tin Đại cương)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)	Thiết kế mạng LAN Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)			CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Lê Thị Châm (H2.301_TH LR Máy tính)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)					Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)
		7				CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)															CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)
		8				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)				Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)			CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)
		9				Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)				Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)			Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)
		10								CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)					CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	

LỚP			63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 05/12	Sáng	1								Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng (H2.301_TH LR Máy tính)				Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÓI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Photoshop Tạ Văn Khoa (H2.203_TH Tin Đại cương)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Thiết kế mạng LAN Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)			Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Lê Thị Châm (H2.301_TH LR Máy tính)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)
		7								Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.203)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)					Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	
		8				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)					CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)
		9								Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)					Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)			
		10															CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			
Thứ 6 06/12	Sáng	1	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()				Tiếng anh chuyên ngành Tạ Ngọc Dũng ()	Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan ()	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng (H2.301_TH LR Máy tính)					Tin học văn phòng Kim Thị Thương ()	Lập trình căn bản Nguyễn Thị Hường ()	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÓI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Photoshop Tạ Văn Khoa (H2.203_TH Tin Đại cương)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()				Tiếng anh chuyên ngành Tạ Ngọc Dũng ()	Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan ()	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng (H2.301_TH LR Máy tính)		Ktra: Lập trình căn bản-1-1-2024(N07) Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)			Tin học văn phòng Kim Thị Thương ()	Lập trình căn bản Nguyễn Thị Hường ()					Photoshop Tạ Văn Khoa (H2.203_TH Tin Đại cương)
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 07/12	Sáng	1	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()				Tin học văn phòng Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan ()						Tin học văn phòng Kim Thị Thương ()	Lập trình căn bản Nguyễn Thị Hường ()					
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()				Tin học văn phòng Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan ()						Lập trình căn bản Lê Thị Châm ()	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo ()					
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 19: Từ 02/12 Đến 08/12/2024

LỚP			63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CCT1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CKT1	64CLG1	64CQM1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTM1	64CTT1	64CVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 02/12	Sáng	1	Soạn thảo văn bản điện tử Vũ Lệ Thu (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.107_CNTT)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.108_CNTT)			Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Kỹ thuật hàn Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Vẽ kỹ thuật Nguyễn Văn Chiều (X22.302)		Quản lý kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.205_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.103)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.207)	
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.101)		Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-1-2024(N02) Trần Thị Thơm (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực) Kỹ thuật cảm biến-1-1-24(N01) Lỗ Văn Ba (...)	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.101)				Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.101)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.107_CNTT)			
		7	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)																
		8	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.306)															
		9	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)																
		10	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)															
Thứ 3 03/12	Sáng	1	Soạn thảo văn bản điện tử Vũ Lệ Thu (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.107_CNTT)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.108_CNTT)	Cơ kĩ thuật Nguyễn Ngọc Mạnh ()		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Kỹ thuật hàn Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Vẽ kỹ thuật Nguyễn Văn Chiều (X22.302)		Quản lý kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.205_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.103)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.207)	
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.207)		Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-1-2024(N02) Trần Thị Thơm (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực) Kỹ thuật cảm biến-1-1-24(N01) Lỗ Văn Ba (...)	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.207)		Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H3.208)		Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.207)		Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H5.101)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.107_CNTT)			
		7			Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)															
		8	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)															
		9	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.303)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.303)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)															
		10																		
Thứ 4 04/12	Sáng	1	Soạn thảo văn bản điện tử Vũ Lệ Thu (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.107_CNTT)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.108_CNTT)	Cơ kĩ thuật Nguyễn Ngọc Mạnh ()		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Kỹ thuật hàn Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Vẽ kỹ thuật Nguyễn Văn Chiều (X22.302)		Quản lý kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.205_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)	
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)			Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-1-2024(N02) Trần Thị Thơm (...) Kỹ thuật cảm biến-1-1-24(N01) Lỗ Văn Ba (...)		Đo lường Lê Trung Thịnh (X22.104)	Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H3.103)				Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.208)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)				
		7	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)																
		8	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)															
		9			Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)															
		10			CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)															

LỚP			63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CCT1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CKT1	64CLG1	64CQM1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTM1	64CTT1	64CVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 05/12	Sáng	1	Soạn thảo văn bản điện tử Vũ Lệ Thu (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.108_CNTT)				Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Đo lường Lê Trung Thịnh (X22.104)	Vẽ kỹ thuật Nguyễn Văn Chiều (X22.302)		Quản lý kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.205_Khoa SP-KT)		Tiếng Nhật (H3.103)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)				Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-1-2024(N02) Trần Thị Thơm (X23.202.Phòng học Máy điện) Kỹ thuật cảm biến-1-1-24(N01) Lỗ Văn Ba (...)		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.208)	Vẽ kỹ thuật Nguyễn Văn Chiều (X22.302)					Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)			Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)	
		7																		
		8	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)															
		9	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)															
		10			CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)															
Thứ 6 06/12	Sáng	1				Cơ kĩ thuật Nguyễn Ngọc Mạnh ()				Đo lường Lê Trung Thịnh (X22.104)					Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)	
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Ktra: Tin học 11_1-1-1-24(N07) Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Ktra: Tin học 11_1-1-1-24(N07) Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)				Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-1-2024(N02) Trần Thị Thơm (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực) Kỹ thuật cảm biến-1-1-24(N01) Lỗ Văn Ba (...)		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)						Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)				
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 07/12	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 19: Từ 02/12 Đến 08/12/2024

LỚP			64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 02/12	Sáng	1	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)		CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)
		2		CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)			CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)				Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)				Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)
		3	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)					Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)		Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	
		4	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)		Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)		Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)
		5		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)				CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)
	Chiều	6	Tin học Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)	Ktra: Tin học-1-1-24(N03) Quách Thu Thảo (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.208)		Vật liệu điện Cao Thị Thu ()	An toàn điện Nguyễn Thị Hương ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_01)	Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H5.102)			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 3 03/12	Sáng	1	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.101)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)			Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.101)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)
		2						Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.401)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)				Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.401)
		3	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)						Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)		Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	
		4		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.101)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)			CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)		Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.402)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.101)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)
		5			Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)												Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	
	Chiều	6			Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.209.TH Tin học)	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)	Vật liệu điện Cao Thị Thu ()	An toàn điện Nguyễn Thị Hương ()				Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_01)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)		Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)	Tin học Tạ Ngọc Dũng (H3.110_TH THCB)	
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 4 04/12	Sáng	1	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)			Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)
		2												Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.402)					
		3	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)		Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)			Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)
		4		Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.306)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)		Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)
		5	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)		CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)					Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	
	Chiều	6	Tin học Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)		Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()					Tin học Hoàng Tùng (H3.209.TH Tin học)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)	Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H5.102)	Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)			Tin học Tạ Ngọc Dũng (H3.110_TH THCB)	
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

LỚP			64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 05/12	Sáng	1	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)					CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)		CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	
		2	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)		Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)		Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)
		3	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)													Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)			
		4	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)		Ktra: Tiếng Anh 1-1-1-24(N01) (TV_THI TN01)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)					Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)		Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	Ktra: Tiếng Anh 1-1-1-24(N11) (TV_THI TN03)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)
		5				Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)												Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)		
	Chiều	6	Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.101)	Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.103)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()			Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H5.102)	An toàn điện Nguyễn Văn Tĩnh ()	Tin học Hoàng Tùng (H3.209.TH Tin học)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H5.103)		Tin học Tạ Ngọc Dũng (H3.110_TH THCB)	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H5.102)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 6 06/12	Sáng	1	Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.103)	Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H5.101)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Thành Đông ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()				Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()			Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.101)			Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H5.102)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Thành Đông ()		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6					Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()			Ktra: Giáo dục chính trị -1-1-24(N06) (TV_THI TN01)	An toàn điện Nguyễn Văn Tĩnh ()	Tin học Hoàng Tùng (H3.209.TH Tin học)		Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.207)					Ktra: Giáo dục chính trị -1-1-24(N06) (TV_THI TN01)
		7																		
		8									Ktra: Pháp luật-1-1-24(N06) (TV_THI TN01)									Ktra: Pháp luật-1-1-24(N06) (TV_THI TN01)
		9																		
		10																		
Thứ 7 07/12	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 19: Từ 02/12 Đến 08/12/2024

LỚP			64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 02/12	Sáng	1		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		2			Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyên (H5.201)									CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)
		3						Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)		CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		4		Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)			Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)		Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
		5			CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyên (H5.303)		CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyên (H5.303)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.104)				Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)			Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)		
	Chiều	6		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_01)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.208)			Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H5.103)	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H5.103)		Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.103)		Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.108_CNTT)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.108_CNTT)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 03/12	Sáng	1		Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.101)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyên (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		2			Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)							
		3			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.203)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.203)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Anh Văn (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Anh Văn (H5.403)
		4			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.101)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)		Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.402)			Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
		5			Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)									CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
	Chiều	6		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_01)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()				Ktra: Tin học-1-1-24(N21) Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 4 04/12	Sáng	1		Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.106)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)
		2		Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)							Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)		Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.402)					
		3			Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)		Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)			Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		4			Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)		Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)			Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.306)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		5				Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)		Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.106)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)		Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Anh Văn (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Anh Văn (H5.403)
	Chiều	6		Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)		Kinh tế vi mô Phạm Thị Thúy Lệ (H3.205_Khoa SP-KT)			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H5.103)				Tin học Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

LỚP			64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 05/12	Sáng	1		Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		2		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)		Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)				Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)		Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		3			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)				Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)		
		4				Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)					Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)			
		5				Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)													
	Chiều	6		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Kinh tế vi mô Phạm Thị Thúy Lệ (H3.205_Khoa SP-KT)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()		Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()			Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H5.104)			Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.107_CNTT)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.108_CNTT)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()
		7																	
		8																	
		9							Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.407)										
		10																	
Thứ 6 06/12	Sáng	1	Kinh tế vi mô Bùi Thu Trang ()	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.101)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.208)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Thành Đông ()	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.208)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H5.103)		Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn ()	Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.107_CNTT)			
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Kinh tế vi mô Bùi Thu Trang ()			Kinh tế vi mô Phạm Thị Thúy Lệ (H3.205_Khoa SP-KT)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.208)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()		Tiếng Anh 1 Trần Thu Hương (H3.103)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn ()		Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.107_CNTT)	Giáo dục thể chất ()	Giáo dục thể chất ()
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 07/12	Sáng	1	Kinh tế vi mô Bùi Thu Trang ()												Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()				
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Kinh tế vi mô Bùi Thu Trang ()												Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()				
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	